TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
_____	_____

Bản án số: **17**/2024/DS-ST
Ngày: 29 - 3 - 2024.
V/v: *Tranh chấp về quyền đòi lại tài sản giữa ông T với ông H.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÂM ĐỒNG
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Trường**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lê Thị Sáu**
2. Bà **Trần Thị Quế**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Anh Vương** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị Hồng** - Kiểm sát viên.

Ngày **29** tháng **3** năm **2024** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 160/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp về quyền đòi lại tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn***: Ông **Hoàng Nam T**, sinh năm: 1951. Địa chỉ: Số 341/25 đường Trần Phú, phường L, Thành phố X, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Lê Thanh D**, sinh năm: 1967. Địa chỉ: Số 11A đường Lam Sơn, phường L, Thành phố X, tỉnh Lâm Đồng. Văn bản ủy quyền ngày 12 tháng 10 năm 2023. (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

**** Bị đơn***: Ông **Trương Ngọc H**, sinh năm: 1975. Địa chỉ: Thôn 8, xã Y, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 4 năm 2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Hoàng Nam T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Thanh D trình bày:

Vào năm 2021 ông T có nhận hạng mục thi công đá hoa cương cho các công trình do ông H làm chủ thầu xây dựng, bao gồm các công trình sau: Công trình xây

dựng tại Số 36 đường Yên Thế, Phường 2, Thành phố X, tỉnh Lâm Đồng số tiền 18.589.650đ; công trình xây dựng nhà bà Loan ở đường Đào Duy Từ, phường P, Thành phố X, tỉnh Lâm Đồng số tiền 14.494.120đ và công trình xây dựng ở xã C, Thành phố X, tỉnh Lâm Đồng là 50.629.680đ. Tổng cộng các khoản là 83.713.450đ. Hai bên có làm bảng kê chi tiết, có ông H ký xác nhận. Sau đó, ông H đã trả cho ông T được 02 lần số tiền là 40.000.000đ. Số tiền còn nợ, ông T đã đòi nhiều lần nhưng ông H không trả. Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu ông H phải trả số tiền còn nợ là 43.713.450đ và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Trương Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Vì vậy, không có lời khai của ông Trương Ngọc H tại Tòa án.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Thanh D có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Nam T đối với ông Trương Ngọc H về việc Tranh chấp về quyền đòi lại tài sản;

Buộc ông Trương Ngọc H phải trả lại cho ông Hoàng Nam T số tiền 43.713.650đ tiền gốc và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật;

- Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

***[1] Về tố tụng*:** Ông Hoàng Nam T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về việc "*Tranh chấp về quyền đòi lại tài sản*" đối với ông Trương Ngọc H. Theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Thanh D vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trương Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai (niêm yết) nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Vào năm 2021 ông T có nhận thi công hạng mục đá hoa cương cho các công trình do ông H làm chủ thầu xây dựng, tổng cộng các khoản mà ông H còn nợ của ông T là 83.713.450đ. Sau đó, ông H đã trả cho ông T được 02 lần số tiền là 40.000.000đ. Số tiền còn nợ, ông T đã đòi nhiều lần nhưng ông H không trả nên hai bên đã xảy ra tranh chấp.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự thì thấy rằng:

Việc ông T có nhận thi công hạng mục đá hoa cương cho các công trình do ông H làm chủ thầu xây là có thật. Sau khi hoàn thành từng công trình, hai bên có lập bảng kê chi phí vật tư, đơn giá thi công và tính thành tiền có ông H ký xác nhận. Theo các chứng cứ do ông T cung cấp thì tổng số tiền mà ông H còn nợ của ông T là 83.713.450đ, sau đó ông H đã trả được số tiền 40.000.000đ và còn nợ số tiền 43.713.450đ. Ông T đã đòi nhiều lần nhưng ông H không trả nợ nên ông T khởi kiện. Còn ông H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không đến Tòa án làm việc nên không có chứng cứ để chứng minh về việc ông H đã trả tiền cho ông T. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc ông H phải trả cho ông T số tiền còn nợ là 43.713.450đ là phù hợp.

Về lãi suất: Ông T yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày khởi kiện 03/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp nên được chấp nhận. Căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật dân sự để áp dụng mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự là 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng). Tiền lãi suất được tính kể từ ngày 03/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là: 43.713.450đ x 0,83%/tháng x 11 tháng 26 ngày = 4.305.000đ.;

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Nam T đối với ông Trương Ngọc H; Buộc ông Trương Ngọc H phải trả cho ông Hoàng Nam T tổng số tiền là 48.018.000đ.

[3] Về án phí: Vụ kiện có giá ngạch, ông Trương Ngọc H phải chịu 2.400.900đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hoàng Nam T không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 166, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về "*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*".

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Nam T đối với ông Trương Ngọc H về việc "*Tranh chấp về quyền đòi lại tài sản*".

Buộc ông Trương Ngọc H phải có trách nhiệm trả cho ông Hoàng Nam T tổng số tiền là 48.018.000đ (*Bốn mươi tám triệu không trăm mười tám ngàn đồng*) (đã làm tròn), trong đó: Tiền gốc là 43.713.450đ, tiền lãi là 4.305.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2/ Về án phí:

Buộc ông Trương Ngọc H phải chịu 2.400.900đ (*Hai triệu bốn trăm ngàn chín trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông Hoàng Nam T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/3/2024), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường